

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

THÔNG TƯ

Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN-Hàn Quốc giai đoạn 2015-2018

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 08 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Hiệp định Khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện giữa các nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (viết tắt là ASEAN) và nước Đại Hàn Dân Quốc (sau đây gọi là Hàn Quốc), ký ngày 13 tháng 12 năm 2005 tại Ma-lai-xi-a, được Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê chuẩn ngày 12 tháng 4 năm 2006;

Căn cứ Hiệp định Thương mại Hàng hóa thuộc Hiệp định Khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện ASEAN - Hàn Quốc, ký ngày 13 tháng 12 năm 2005 tại Ma-lai-xi-a và ngày 24 tháng 8 năm 2006 tại Cộng hòa Phi-líp-pin;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định sửa đổi mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với một số nhóm hàng tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN – Hàn Quốc giai đoạn 2015-2018.

Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của một số mặt hàng thuộc nhóm 7213, 7326, 8703 quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN-Hàn Quốc giai đoạn 2015-2018 ban hành kèm theo Thông tư số 167/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt mới quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra Văn bản-Bộ Tư pháp;
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ HTQT.



www.LuatVietnam.vn

Phụ lục I

DANH MỤC MỨC THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT MỘT SỐ MẶT HÀNG TẠI BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT CỦA VIỆT NAM ĐỂ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA ASEAN-HÀN QUỐC GIAI ĐOẠN 2015-2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2015/TT-BTC ngày 30/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất AKFTA (%)				Nước không được hưởng ưu đãi	GIC
					2015	2016	2017	2018		
7213	91			-- Có đường kính mặt cắt ngang hình tròn dưới 14 mm:						
7213	91	20		--- Thép cốt bê tông	*	*	*	*		
7213	99			-- Loại khác:						
7213	99	20		--- Thép cốt bê tông	*	*	*	*		
7326	90	99		--- Loại khác:					ID	
7326	90	99	10	---- Ống và cốc dùng cho nhựa mũ cao su	0	0	0	0	ID	
7326	90	99	20	---- Bẫy chuột	0	0	0	0	ID	
7326	90	99	90	---- Loại khác	*	*	20	20		
8703	21			-- Loại dung tích xi lanh không quá 1.000 cc:						
				--- Loại khác:						
8703	21	99		---- Loại khác	*	*	*	*		
8703	90			-- Xe hoạt động bằng điện:						
				--- Loại khác:						
8703	90	19		---- Loại khác	*	*	*	*		

Ghi chú: Ký hiệu “*”: hàng hóa nhập khẩu không được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt AKFTA tại thời điểm tương ứng.